

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Tên chủ đầu tư: Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực II

Tên gói thầu: May trang phục Cảng vụ năm 2025

Dự toán: May trang phục Cảng vụ năm 2025

Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước năm 2025 – Kinh phí không tự chủ;

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước qua mạng;

Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;

Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 40 ngày

Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025

Tùy chọn mua thêm: Không

Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày

Loại hợp đồng: Trọn gói;

*** Địa điểm thực hiện lấy số đo:** Tại Các đại diện Cảng vụ trên toàn quốc như sau:

- Tại Đại diện Hà Nội:

+ Văn phòng làm việc Hà Nội: Số 922, đường Bạch Đằng, phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội;

+ Văn phòng làm việc Sông Đuống: Số nhà 29, ngõ 83, phố Nguyễn Khắc Viện, phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội;

+ Văn phòng làm việc Hồng Vân: Xóm Đê Thám, thôn Văn Minh, xã Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội;

+ Văn phòng làm việc Khuyến Lương: Tổ 21, Cảng Khuyến Lương, phường Lĩnh Nam, Thành phố Hà Nội;

+ Văn phòng làm việc Sơn Tây: Số 59, tổ 9 Hồng Hậu, phường Sơn Tây, Thành phố Hà Nội;

+ Văn phòng làm việc Chèm: Trạm QLĐS Chèm, đường Liên Mạc, phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội.

- Tại Đại diện Hà Nam:

+ Văn phòng làm việc Bút Sơn: Số 405, đường Đinh Công Tráng, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình;

+ Văn phòng làm việc Thanh Thủy: Thôn Đồng Ao, xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình;

+ Văn phòng làm việc Thanh Liêm: Thôn kênh , xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình.

- Tại Đại diện Ninh Bình:

+ Văn phòng làm việc Ninh Bình: Đường Hoàng Diệu, Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình;

+ Văn phòng làm việc Long Khánh: Phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình;

+ Văn phòng làm việc Phúc Lộc: Phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Tại Đại diện Hòa Bình:

+ Văn phòng làm việc Hòa Bình: Xóm Tiểu Khu, phường Tân Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- Tại Đại diện Phú Thọ:

+ Văn phòng làm việc Việt Trì: Phố Hồng Hà, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ;

+ Văn phòng làm việc Vĩnh Phúc: Số 8, đường Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ;

+ Văn phòng làm việc An Đạo: Khu 7, xã Bình Phú , tỉnh Phú Thọ;

+ Văn phòng làm việc Đoan Hùng: Khu 9, xã Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ;

+ Văn phòng làm việc Yên Bái: Thôn 13, xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai.

- Tại Đại diện Hưng Yên:

+ Văn phòng làm việc Sông Hồng: Thôn Trung Hoà, xã Đức Hợp, tỉnh Hưng Yên;

+ Văn phòng làm việc Sông Luộc: Thôn Tân Khai , xã Tiên Lữ , tỉnh Hưng Yên.

*** Địa điểm giao hàng:** Tại Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực II, Số 922, đường Bạch Đằng, phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Cung cấp Bảng Đáp ứng thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật, xuất xứ, ký mã hiệu, hãng sản xuất phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V của E-HSMT.

- Cam kết hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi và đáp ứng mục b.Yêu cầu kỹ thuật cụ thể; Hàng hóa có đầy đủ ký mã hiệu, đơn vị sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ.

- Nhà thầu phải tự bố trí phương tiện, nhân sự để đảm bảo lấy số đo sản phẩm cho cán

bộ thuộc các đại diện của Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực II trên toàn quốc theo danh sách đã nêu tại Hồ sơ mời thầu. Nếu người sử dụng mặc không vừa quần áo tại thời điểm bàn giao hàng hóa hoặc sản phẩm bị lỗi (về đường kim mũi chỉ, quy cách may, lỗi kỹ thuật vải, hư hại phụ liệu may: đứt cúc, khóa...), nhà thầu phải chịu trách nhiệm sửa chữa hoặc cung cấp lại hàng hoá khác cho đến khi đạt yêu cầu thì hai bên mới tiến hành bàn giao nghiệm thu theo quy định. Thời gian sửa, đổi lại không quá 1 tuần kể từ ngày chủ đầu tư trả lại. Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa, thay mới do nhà thầu chịu.

- Hàng hóa được đóng túi nilon riêng từng chiếc, từng bộ. Chất liệu hàng hóa phải ổn định về mặt kết cấu và màu sắc: không lem màu, không loang màu khi được giặt tẩy với xà phòng.

- Bảo hành sản phẩm: Cam kết bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.

- Nhà thầu phải nộp cùng E-HSDT kết quả thử nghiệm thành phần vải đối vải may Áo Veston, quần âu, áo sơ mi, cà vạt, phù hiệu đáp ứng yêu cầu tại Mục b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể. Kết quả thử nghiệm do các đơn vị có chức năng theo quy định thực hiện (Tất cả các tài liệu chứng minh: Bản Scan từ bản gốc hoặc bản sao có chứng thực)..

- Có cam kết thu hồi hàng hóa và đổi hàng hóa mới 100% cho chủ đầu tư trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của chủ đầu tư;

- Giá gói thầu bao gồm đã bao gồm các chi phí may, đo theo yêu cầu, đóng gói, vận chuyển, bàn giao tại Cảng vụ đường thủy nội địa khu vực II, chi phí sửa chữa (nếu có) và hóa đơn thuế giá trị gia tăng theo quy định.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

Thông số kỹ thuật tối thiểu

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
I	Trang phục cảng vụ cấp theo tiêu chuẩn			
1	Áo Veston	<p>Áo Veston.</p> <p>- Kiểu dáng, cỡ số: May đo theo cỡ số từng cán bộ tại nơi sử dụng, may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017 quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của công chức, viên chức và nhân viên cảng vụ đường thủy nội địa.</p> <p>- Quy cách: Áo Veston vải màu xanh đen, áo có hai lớp; cổ áo hình chữ V truyền thống; có 03 túi (01 túi trên bên trái chìm và 02 túi dưới chìm có nắp); hai</p>	Cái	106

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		<p>vai có 02 đĩa để cài cấp hiệu; có 04 khuy áo màu vàng ánh kim, có hình mỏ neo nổi trên mặt; thân áo sau xẻ giữa; trên tay áo bên trái có gắn phù hiệu, cách đầu vai của tay áo 07 cm; mỗi cổ tay áo có 03 khuy màu vàng ánh kim có hình mỏ neo nổi trên mặt;</p> <p>- Chất liệu áo: Vải len loại dày cao cấp (hoặc tương đương), xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV,... Nguyên liệu sử dụng may áo veston cao cấp.</p>		
2	Áo sơ mi dài tay	<p>Áo sơ mi dài tay màu trắng</p> <p>- Kiểu dáng, cỡ số: May đo theo cỡ số từng cán bộ tại nơi sử dụng, may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017 quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của công chức, viên chức và nhân viên cảnh vụ đường thủy nội địa.</p> <p>- Quy cách: Áo dài tay vải màu trắng, cổ áo cứng; 02 túi trước có nắp, nẹp bong ở giữa; hai vai có 02 đĩa để cài cấp hiệu; có 12 khuy áo màu vàng ánh kim có hình mỏ neo nổi trên mặt (08 khuy để cài áo, 02 khuy để cài túi áo, 02 khuy cài tay áo); tay áo có măng séc cứng; trên tay áo bên trái có gắn phù hiệu, cách đầu vai của tay áo 07 cm;</p> <p>- Chất liệu: Vải trắng cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới út ẩm, thấm mồ hôi, dễ giặt ủi, mềm mại, thoáng mát, bền màu, giảm nhiệt nhanh, chống khuẩn..... Nguyên liệu sử dụng may áo sơ mi dài tay loại tốt.</p>	Cái	212
3	Áo sơ mi ngắn tay	<p>Áo sơ mi ngắn tay vải màu trắng</p> <p>- Kiểu dáng, cỡ số: May đo theo cỡ số từng cán bộ tại nơi sử dụng, may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017 quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của công chức, viên chức và nhân viên cảnh vụ đường thủy nội địa.</p> <p>- Quy cách: Áo ngắn tay vải màu trắng, cổ áo cứng; 02 túi trước có nắp, nẹp bong ở giữa; hai vai có 02 đĩa để cài cấp hiệu; có 10 khuy áo màu vàng ánh kim có hình mỏ neo nổi trên mặt (08 khuy để cài áo, 02 khuy để cài túi áo); tay áo có nẹp bong; trên tay áo bên trái có gắn phù hiệu, cách đầu vai của tay áo 07 cm;</p> <p>- Chất liệu: Vải trắng cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới út ẩm, thấm mồ hôi, dễ giặt ủi, mềm</p>	Cái	212

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		mai, thoáng mát, bền màu, giảm nhiệt nhanh, chống khuẩn,... Nguyên liệu sử dụng may áo ngắn tay loại tốt.		
4	Quần âu	<p>Quần âu vải màu xanh đen</p> <p>- Kiểu dáng, cỡ số: May đo theo cỡ số từng cán bộ tại nơi sử dụng, may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017 quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của công chức, viên chức và nhân viên cảnh vụ đường thủy nội địa.</p> <p>- Quy cách: Quần âu vải màu xanh đen, ống đứng rộng vừa phải, 01 ly trước, 02 túi chéo, 02 túi chím phía sau có khuy cài bằng nhựa cùng màu, cạp quần bản rộng 05 cm, đĩa quần bản rộng 01 cm, khóa kéo bằng nhựa;</p> <p>- Chất liệu: Vải len loại dày cao cấp (hoặc tương đương), xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn,,.... Nguyên liệu sử dụng may quần âu loại cao cấp.</p>	Cái	212
5	Cà vạt	<p>Calavát</p> <p>- Kiểu dáng, cỡ số: May đo theo cỡ số từng cán bộ tại nơi sử dụng, may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017 quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của công chức, viên chức và nhân viên cảnh vụ đường thủy nội địa.</p> <p>- Chất liệu, quy cách: Vải Len, loại dày cao cấp (hoặc tương đương), xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen</p> <p>- Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥412. Ngang: ≥376.</p>	Cái	106
6	Phù hiệu gắn trên cổ áo	<p>- Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017</p> <p>- Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương), loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen.</p> <p>- Phù hiệu trên cổ áo: hình bình hành góc nhọn 60 độ, cạnh dài 5,5 cm, cạnh ngắn 3,5 cm; viền được bọc bằng kim loại màu vàng ánh kim rộng 0,3 cm;</p>	Cặp	106

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		<p>nền vải màu xanh đen, ở giữa gắn biểu trưng của Cảng vụ đường thủy nội địa bằng kim loại cao cấp.</p> <p>- Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥412. Ngang: ≥376.</p>		
7	Cấp hiệu Giám đốc	<p>- Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017</p> <p>- Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa: có 02 vạch và 04 sao</p> <p>- Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương), loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen.</p> <p>- Cấp hiệu được đeo trên áo ở hai vai để phân biệt chức danh của cấp lãnh đạo, công chức, viên chức và nhân viên Cảng vụ đường thủy nội địa.</p> <p>- Nền cấp hiệu màu xanh đen, có chiều dài 13 cm, chiều rộng đầu lớn là 05 cm, chiều rộng đầu nhỏ là 04 cm; sao cấp hiệu bằng đồng tám mạ màu vàng ánh kim, được đặt cân xứng thành hàng dọc; có vạch phân cấp bằng kim loại màu vàng ánh kim, được đặt phía đầu lớn. Phía đầu nhỏ gắn cúc cấp hiệu hình mỏ neo màu vàng ánh kim trong vòng tròn, có viền bằng vải màu đỏ rộng 0,3 cm.</p> <p>- Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥412. Ngang: ≥376.</p>	Cấp	1
8	Cấp hiệu Phó Giám đốc	<p>- Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017</p> <p>- Phó giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa: có 02 vạch và 03 sao</p> <p>- Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương), loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen.</p> <p>- Cấp hiệu được đeo trên áo ở hai vai để phân biệt chức danh của cấp lãnh đạo, công chức, viên chức và nhân viên Cảng vụ đường thủy nội địa.</p> <p>- Nền cấp hiệu màu xanh đen, có chiều dài 13 cm, chiều rộng đầu lớn là 05 cm, chiều rộng đầu nhỏ là 04 cm; sao cấp hiệu bằng đồng tám mạ màu vàng ánh kim, được đặt cân xứng thành hàng dọc; có</p>	Cấp	1

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		<p>vạch phân cấp bằng kim loại màu vàng ánh kim, được đặt phía đầu lớn. Phía đầu nhỏ gắn cúc cấp hiệu hình mỏ neo màu vàng ánh kim trong vòng tròn, có viền bằng vải màu đỏ rộng 0,3 cm.</p> <p>- Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥412. Ngang: ≥376.</p>		
9	Cấp hiệu Trưởng phòng, Đại diện	<p>- Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017</p> <p>- Trông phòng, Trưởng ban, Trưởng Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa: có 02 vạch và 02 sao</p> <p>- Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương), loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen.</p> <p>- Cấp hiệu được đeo trên áo ở hai vai để phân biệt chức danh của cấp lãnh đạo, công chức, viên chức và nhân viên Cảng vụ đường thủy nội địa.</p> <p>- Nền cấp hiệu màu xanh đen, có chiều dài 13 cm, chiều rộng đầu lớn là 05 cm, chiều rộng đầu nhỏ là 04 cm; sao cấp hiệu bằng đồng tằm mạ màu vàng ánh kim, được đặt cân xứng thành hàng dọc; có vạch phân cấp bằng kim loại màu vàng ánh kim, được đặt phía đầu lớn. Phía đầu nhỏ gắn cúc cấp hiệu hình mỏ neo màu vàng ánh kim trong vòng tròn, có viền bằng vải màu đỏ rộng 0,3 cm.</p> <p>- Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥412. Ngang: ≥376.</p>	Cấp	10
10	Cấp hiệu Phó Trưởng phòng, Đại diện	<p>- Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017</p> <p>- Phó trưởng phòng, Phó Trưởng ban, Phó Trưởng Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa: có 02 vạch và 01 sao</p> <p>- Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương), loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen.</p> <p>- Cấp hiệu được đeo trên áo ở hai vai để phân biệt chức danh của cấp lãnh đạo, công chức, viên chức và nhân viên Cảng vụ đường thủy nội địa.</p> <p>- Nền cấp hiệu màu xanh đen, có chiều dài 13 cm,</p>	Cấp	10

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		<p>chiều rộng đầu lớn là 05 cm, chiều rộng đầu nhỏ là 04 cm; sao cấp hiệu bằng đồng tám mạ màu vàng ánh kim, được đặt cân xứng thành hàng dọc; có vạch phân cấp bằng kim loại màu vàng ánh kim, được đặt phía đầu lớn. Phía đầu nhỏ gắn cúc cấp hiệu hình mỏ neo màu vàng ánh kim trong vòng tròn, có viền bằng vải màu đỏ rộng 0,3 cm.</p> <p>- Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥412. Ngang: ≥376.</p>		
11	Cấp hiệu Tổ trưởng	<p>- Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017</p> <p>- Tổ trưởng Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa: có 01 vạch và 02 sao</p> <p>- Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương), loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen.</p> <p>- Cấp hiệu được đeo trên áo ở hai vai để phân biệt chức danh của cấp lãnh đạo, công chức, viên chức và nhân viên Cảng vụ đường thủy nội địa.</p> <p>- Nền cấp hiệu màu xanh đen, có chiều dài 13 cm, chiều rộng đầu lớn là 05 cm, chiều rộng đầu nhỏ là 04 cm; sao cấp hiệu bằng đồng tám mạ màu vàng ánh kim, được đặt cân xứng thành hàng dọc; có vạch phân cấp bằng kim loại màu vàng ánh kim, được đặt phía đầu lớn. Phía đầu nhỏ gắn cúc cấp hiệu hình mỏ neo màu vàng ánh kim trong vòng tròn, có viền bằng vải màu đỏ rộng 0,3 cm.</p> <p>- Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥412. Ngang: ≥376.</p>	Cặp	12
12	Cấp hiệu Công chức	<p>- Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017</p> <p>- Công chức, viên chức khác: có 01 vạch và 01 sao</p> <p>- Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương), loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen.</p> <p>- Cấp hiệu được đeo trên áo ở hai vai để phân biệt chức danh của cấp lãnh đạo, công chức, viên chức và nhân viên Cảng vụ đường thủy nội địa.</p>	Cặp	72

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		<p>- Nền cấp hiệu màu xanh đen, có chiều dài 13 cm, chiều rộng đầu lớn là 05 cm, chiều rộng đầu nhỏ là 04 cm; sao cấp hiệu bằng đồng tám mạ màu vàng ánh kim, được đặt cân xứng thành hàng dọc; có vạch phân cấp bằng kim loại màu vàng ánh kim, được đặt phía đầu lớn. Phía đầu nhỏ gắn cúc cấp hiệu hình mỏ neo màu vàng ánh kim trong vòng tròn, có viền bằng vải màu đỏ rộng 0,3 cm.</p> <p>- Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥412. Ngang: ≥376.</p>		
13	Thắt lưng da + Đầu khóa	<p>- Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017</p> <p>- Thắt lưng: bằng da thật cao cấp màu đen, nam bản rộng 3,5 cm, nữ bản rộng 2,5 cm có khóa màu vàng ánh kim và biểu trưng của Cảng vụ đường thủy nội địa dập nổi trên khóa;</p>	Sợi	106
14	Bộ quần áo mưa + in chữ	<p>- Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017</p> <p>a) Kiểu dáng: - Áo mưa: Kiểu jaket, cổ bé không chân. Thân trước bên trái may nẹp che khoá cài cúc bấm, bên trong có khoá lên hết đầu cổ. Thân sau cầu vai rời, bên trong có lớp vải lưới may liền thân để thoát khí, chân cầu vai và nẹp có gắn biển phản quang. Tay áo kiểu một mang, cổ tay may bo chun. Mũ rời gắn với áo</p> <p>- Quần mưa: Kiểu ống rộng, cạp chun, dưới gấu có cúc bấm.</p> <p>b) Màu sắc: Quần áo mưa màu xanh đen. Chất liệu quần áo mưa: Vải PVC tráng nhựa cao cấp</p>	Bộ	106
15	Cặp da	<p>Chất liệu: Da thật cao cấp</p> <p>Kích thước: 38x28x8cm</p> <p>Màu sắc: Vàng hoặc màu đen</p> <p>Thiết kế khóa kéo, quai xách, dây đeo chéo tiện sử dụng. Cặp dùng đựng tài liệu, laptop và vật dụng cá nhân khác</p> <p>Cặp có 3 ngăn chính, 2 ngăn bên trong và 1 ngăn phụ bên ngoài, thiết kế gọn nhẹ, hợp thời trang, tạo phong cách.</p>	Cái	12
II	Mua dự phòng			

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
16	Phù hiệu gắn trên cổ áo	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017 - Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương) loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen. - Phù hiệu trên cổ áo: hình bình hành góc nhọn 60 độ, cạnh dài 5,5 cm, cạnh ngắn 3,5 cm; viền được bọc bằng kim loại màu vàng ánh kim rộng 0,3 cm; nền vải màu xanh đen, ở giữa gắn biểu trưng của Cảng vụ đường thủy nội địa bằng kim loại cao cấp. - Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥412. Ngang: ≥376. 	Cặp	25
17	Cấp hiệu Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017 - Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa: có 02 vạch và 04 sao - Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương), loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen. - Cấp hiệu được đeo trên áo ở hai vai để phân biệt chức danh của cấp lãnh đạo, công chức, viên chức và nhân viên Cảng vụ đường thủy nội địa. - Nền cấp hiệu màu xanh đen, có chiều dài 13 cm, chiều rộng đầu lớn là 05 cm, chiều rộng đầu nhỏ là 04 cm; sao cấp hiệu bằng đồng tám mạ màu vàng ánh kim, được đặt cân xứng thành hàng dọc; có vạch phân cấp bằng kim loại màu vàng ánh kim, được đặt phía đầu lớn. Phía đầu nhỏ gắn cúc cấp hiệu hình mỏ neo màu vàng ánh kim trong vòng tròn, có viền bằng vải màu đỏ rộng 0,3 cm. - Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥412. Ngang: ≥376. 	Cặp	1
18	Cấp hiệu Phó Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017 - Phó giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa: có 02 vạch và 03 sao - Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương), loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm 	Cặp	1

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		<p>hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp hiệu được đeo trên áo ở hai vai để phân biệt chức danh của cấp lãnh đạo, công chức, viên chức và nhân viên Cảng vụ đường thủy nội địa. - Nền cấp hiệu màu xanh đen, có chiều dài 13 cm, chiều rộng đầu lớn là 05 cm, chiều rộng đầu nhỏ là 04 cm; sao cấp hiệu bằng đồng tám mạ màu vàng ánh kim, được đặt cân xứng thành hàng dọc; có vạch phân cấp bằng kim loại màu vàng ánh kim, được đặt phía đầu lớn. Phía đầu nhỏ gắn cúc cấp hiệu hình mỏ neo màu vàng ánh kim trong vòng tròn, có viền bằng vải màu đỏ rộng 0,3 cm. - Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥412. Ngang: ≥376. 		
19	Cấp hiệu Trưởng phòng, Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017 - Trưởng phòng, Trưởng ban, Trưởng Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa: có 02 vạch và 02 sao - Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương), loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen. - Cấp hiệu được đeo trên áo ở hai vai để phân biệt chức danh của cấp lãnh đạo, công chức, viên chức và nhân viên Cảng vụ đường thủy nội địa. - Nền cấp hiệu màu xanh đen, có chiều dài 13 cm, chiều rộng đầu lớn là 05 cm, chiều rộng đầu nhỏ là 04 cm; sao cấp hiệu bằng đồng tám mạ màu vàng ánh kim, được đặt cân xứng thành hàng dọc; có vạch phân cấp bằng kim loại màu vàng ánh kim, được đặt phía đầu lớn. Phía đầu nhỏ gắn cúc cấp hiệu hình mỏ neo màu vàng ánh kim trong vòng tròn, có viền bằng vải màu đỏ rộng 0,3 cm. - Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥412. Ngang: ≥376. 	Cặp	10
20	Cấp hiệu Phó Trưởng phòng, Đại diện	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017 	Cặp	10

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Phó trưởng phòng, Phó Trưởng ban, Phó Trưởng Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa: có 02 vạch và 01 sao - Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương), loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen. - Cấp hiệu được đeo trên áo ở hai vai để phân biệt chức danh của cấp lãnh đạo, công chức, viên chức và nhân viên Cảng vụ đường thủy nội địa. - Nền cấp hiệu màu xanh đen, có chiều dài 13 cm, chiều rộng đầu lớn là 05 cm, chiều rộng đầu nhỏ là 04 cm; sao cấp hiệu bằng đồng tám mạ màu vàng ánh kim, được đặt cân xứng thành hàng dọc; có vạch phân cấp bằng kim loại màu vàng ánh kim, được đặt phía đầu lớn. Phía đầu nhỏ gắn cúc cấp hiệu hình mỏ neo màu vàng ánh kim trong vòng tròn, có viền bằng vải màu đỏ rộng 0,3 cm. - Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥412. Ngang: ≥376. 		
21	Cấp hiệu Tổ trưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017 - Tổ trưởng Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa: có 01 vạch và 02 sao - Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương), loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen. - Cấp hiệu được đeo trên áo ở hai vai để phân biệt chức danh của cấp lãnh đạo, công chức, viên chức và nhân viên Cảng vụ đường thủy nội địa. - Nền cấp hiệu màu xanh đen, có chiều dài 13 cm, chiều rộng đầu lớn là 05 cm, chiều rộng đầu nhỏ là 04 cm; sao cấp hiệu bằng đồng tám mạ màu vàng ánh kim, được đặt cân xứng thành hàng dọc; có vạch phân cấp bằng kim loại màu vàng ánh kim, được đặt phía đầu lớn. Phía đầu nhỏ gắn cúc cấp hiệu hình mỏ neo màu vàng ánh kim trong vòng tròn, có viền bằng vải màu đỏ rộng 0,3 cm. - Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² (±3%); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥542 (N), Ngang ≥369 (N); 	Cặp	6

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥ 412 . Ngang: ≥ 376 .		
22	Cấp hiệu Công chức	<p>- Kiểu dáng: May may theo mẫu quy định tại Thông tư số: 26/2017/TT-BGTVT ngày 02/08/2017</p> <p>- Công chức, viên chức khác: có 01 vạch và 01 sao</p> <p>- Chất liệu: Vải Len (hoặc tương đương), loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen.</p> <p>- Cấp hiệu được đeo trên áo ở hai vai để phân biệt chức danh của cấp lãnh đạo, công chức, viên chức và nhân viên Công vụ đường thủy nội địa.</p> <p>- Nền cấp hiệu màu xanh đen, có chiều dài 13 cm, chiều rộng đầu lớn là 05 cm, chiều rộng đầu nhỏ là 04 cm; sao cấp hiệu bằng đồng tám mạ màu vàng ánh kim, được đặt cân xứng thành hàng dọc; có vạch phân cấp bằng kim loại màu vàng ánh kim, được đặt phía đầu lớn. Phía đầu nhỏ gắn cúc cấp hiệu hình mỏ neo màu vàng ánh kim trong vòng tròn, có viền bằng vải màu đỏ rộng 0,3 cm.</p> <p>- Tiêu chuẩn vải: Khối lượng thực tế: 177 g/m² ($\pm 3\%$); Độ bền kéo đứt: Dọc ≥ 542 (N), Ngang ≥ 369 (N); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: ≥ 412. Ngang: ≥ 376.</p>	Cặp	25

YÊU CẦU KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN: VẢI ÁO VEST, QUẦN ÂU

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả	Dung sai
1	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Vân chéo 2/2	
2	Độ dày (mm)		TCVN 5071:2007	0,30	$\pm 3\%$
3	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	TCVN 1754:1986 (Phương pháp băng vải)	542	≥ 542
		Ngang (N)		369	≥ 369
4	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải	Dọc (Ne)	TCVN 5095:1990	54.5/2	$\pm 3\%$
		Ngang (Ne)		32.1/1	$\pm 3\%$
5	Khối lượng thực tế (g/m ²)		TCVN 8042:2009 (Lựa chọn C)	177	$\pm 3\%$

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả	Dung sai	
6	Độ sù lông bề mặt và vón kết sau 16 000 vòng quay (cấp)		TCVN 7426-1:2004	4	≥ 4	
7	Mật độ	Đọc	TCVN 1753:1986	412	≥ 412	
		Ngang		376	≥ 376	
8	Thành phần nguyên liệu (%)		ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-11:2009	Polyeste:30.6 Len:69.4	$\pm 3\%$	
9	- Độ bền màu giặt C(3); 60°C (cấp)	Thay đổi màu		4	≥ 4	
		Dây màu	- Triaxetat	TCVN 7835-C10:2007	4-5	≥ 4
			- Bông		4-5	≥ 4
			- Polyamit		4	≥ 4
			- Polyeste		4-5	≥ 4
			- Acrylic		4-5	≥ 4
			- Visco		4-5	≥ 4
10	Thay đổi kích thước sau giặt 40 °C và làm khô (%)	Đọc	TCVN 8041:2009		-1.0	$Co \leq 1$
		Ngang		-0,5	$Co \leq 0,5$	
11	Độ chịu kiềm (ngâm trong dung dịch NaoH 20% sau 8h tiếp xúc)		TCVN 2604:1978 (Mục: 2.2.1)	Không có dấu hiệu hư hỏng		
12	Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)		TCVN 7421-1:2013	K.p.h		
13	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg)		TCVN 12512-1:2018	K.p.h		

VẢI ÁO SƠ MI TRẮNG

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả	Dung sai	
1	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Giác ca		
2	Độ dày (mm)		TCVN 5071:2007	0,26	$\pm 3\%$	
3	Độ bền kéo đứt	Đọc (N)	TCVN 1754:1986 (Phương pháp băng vải)	806	≥ 806	
		Ngang (N)		401	≥ 401	
4				Đọc (Ne)	49,0/1	$\pm 3\%$

TT	Chi tiêu		Phương pháp thử	Kết quả	Dung sai	
	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải	Ngang (Ne)	TCVN 5095:1990	43,6/1	±3%	
5	Khối lượng thực tế (g/m ²)		TCVN 8042:2009 (Lựa chọn C)	150	±3%	
6	Độ sù lông bề mặt và vón kết sau 16 000 vòng quay (cấp)		TCVN 7426-1:2004	4	≥ 4	
7	Mật độ	Đọc	TCVN 1753:1986	656	≥656	
		Ngang		400	≥400	
8	Thành phần nguyên liệu (%)		ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-2:2009 TCVN 5465-11:2009 TCVN 5465-12:2009	Polyeste:65,8 Rayon:30,6 Spandex:3.6	± 3%	
9	- Độ bền màu giặt C(3); 60 ^o C (cấp)	Thay đổi màu		TCVN 7835-C10:2007	4-5	≥ 4
		Dây màu	- Triaxetat		5	≥ 5
			- Bông		4-5	≥ 4
			- Polyamit		4-5	≥ 4
			- Polyeste		5	≥ 5
			- Acrylic		4-5	≥ 4
			- Visco		4-5	≥ 4
10	Thay đổi kích thước sau giặt 40 °C và làm khô (%)	Đọc	TCVN 8041:2009	-1,0	Co ≤1	
		Ngang		0		
11	Độ chịu kiềm (ngâm trong dung dịch NaoH 20% sau 8h tiếp xúc)		TCVN 2604:1978 (Mục: 2.2.1)	Không có dấu hiệu hư hỏng		
12	Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)		TCVN 7421-1:2013	K.p.h		
13	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg)		TCVN 12512-1:2018	K.p.h		

Ghi chú: Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, công

nghệ, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kèm theo để chứng minh.

- Trong yêu cầu về kỹ thuật, nếu cụm từ "tương đương" được mô tả sau các yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa thì được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, nếu cụm từ "tương đương" được mô tả sau các yêu cầu về chức năng của hàng hóa thì được hiểu tương đương về tính năng sử dụng.

1.3. Các yêu cầu khác:

- Nhà thầu phải có cam kết sẵn sàng cung cấp hàng mẫu để kiểm tra về thông số kỹ thuật của hàng hóa khi Nhà thầu được mời đối chiếu tài liệu (nếu Chủ đầu tư yêu cầu) để Chủ đầu tư kiểm tra về thông số kỹ thuật của hàng hóa và mẫu nguyên phụ liệu. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị kiểm định độc lập kiểm tra đánh giá hàng mẫu và mẫu nguyên phụ liệu dùng cho các hàng hóa của gói thầu do Nhà thầu cung cấp. Thời gian cung cấp hàng mẫu: Tối thiểu 05 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản mời nhà thầu đến đối chiếu tài liệu.

- Nhà thầu không nộp hàng mẫu, mẫu nguyên phụ liệu hoặc hàng mẫu, nguyên phụ liệu được đánh giá là không đáp ứng theo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại E-HSMT thì Nhà thầu sẽ bị loại. Sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà thầu không trúng thầu phải liên hệ Chủ đầu tư để nhận lại hàng mẫu. Sau thời gian nêu trên, Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm đến việc hoàn trả hàng mẫu cho nhà thầu

- Trường hợp hàng mẫu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì sẽ được giữ lại và dùng làm căn cứ để kiểm tra, đối chiếu hàng hóa nhà thầu cung cấp trong quá trình thực hiện hợp đồng (hoặc hàng mẫu sẽ được hoàn trả lại hoặc khấu trừ vào số lượng hàng hóa theo yêu cầu của nhà thầu).

Mục 2. Bản vẽ: Không

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra, thử nghiệm được tiến hành khi hàng hóa đến địa điểm bàn giao theo yêu cầu của E-HSMT. Đối với hàng hoá bị nghi ngờ chất lượng, chủ đầu tư có thể yêu cầu kiểm định độc lập từ cơ quan kiểm định hợp pháp tại thị trường Việt Nam, hàng hoá có kết quả kiểm định phù hợp mới được tiếp nhận, chi phí kiểm định do nhà thầu chịu.

- Toàn bộ các thử nghiệm phải tiến hành với sự có mặt của chủ đầu tư, đơn vị sử dụng, và các đơn vị khác có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa cung cấp cho gói thầu bất kỳ thời điểm nào và sẽ thông báo cho nhà thầu trước 02 ngày trước khi kiểm tra. Phương pháp kiểm tra/ thử nghiệm: mang hàng hóa bất kỳ để đi kiểm tra tại (bên thứ ba) cơ quan/đơn vị có thẩm quyền để kiểm tra chỉ tiêu chất lượng của hàng hóa (Chi phí kiểm tra/ thử nghiệm do nhà thầu chịu)..

- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo E-HSDT thì chi phí kiểm tra bổ sung nhà thầu phải chịu, cũng như mọi chi phí sửa chữa cho tới khi hoàn chỉnh.

- Trường hợp khi Nhà thầu bàn giao hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối, nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật, đồng thời nhà thầu bị xử phạt vi phạm hợp đồng (nếu có), Chủ đầu tư sẽ công khai kết quả thực hiện hợp đồng của Nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu

*** Ghi chú:** *Hàng hóa chào thầu chỉ được xem là đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi có các kiểm tra thử nghiệm theo tiêu chuẩn trên*